

# Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông

**Đỗ Thị Thu Trang**

Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận: 10/06/2021

Ngày nhận bản sửa: 26/07/2021

Ngày duyệt đăng: 23/08/2021

**Tóm tắt:** Nghiên cứu nhằm xác định và đo lường các nhân tố chính ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông (THPT). Dữ liệu sơ cấp được thu thập qua khảo sát bảng hỏi đối với sinh viên năm nhất và học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội và một số trường chuyên tại các tỉnh: Thái Nguyên, Phú Thọ, Lào Cai, Yên Bái... Mô hình nghiên cứu gồm các biến độc lập thuộc 3 nhóm nhân tố chính: (i) nhân tố thuộc về người học gồm quan điểm về học đại học, quan điểm về chọn trường, quan điểm về chọn nghề; (ii) nhân tố thuộc về môi trường (lời khuyên của mọi người); (iii) nhân tố thuộc về trường học gồm chi phí, chương trình học, cơ hội việc làm ra trường, danh tiếng của trường, các hoạt động ngoại khóa, cơ sở vật chất, mạng lưới cựu sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự quan tâm của học sinh đến cơ sở vật chất, môi trường và danh tiếng của trường đại học; nhóm tham khảo; chi phí học và hoạt động tại cơ sở giáo dục có tác động trực tiếp đến ý định lựa chọn trường đại học.

## **The factors affecting the decision to choose a university for high school students**

**Abstract:** The study aims to identify and measure the main factors affecting the decision to choose a university for high school students. The primary data was collected through a questionnaire survey for first-year students and high school students in Hanoi city and some High schools for the gifted in the provinces such as Thai Nguyen, Phu Tho, Lao Cai, Yen Bai... The research model consists of independent variables belonging to three key groups of factors: (i) factors belonging to learners including standpoints about university study, choices schools, and career choices; (ii) factors belonging to environment include advice from others; (iii) factors belonging to universities including tuition fees, study programs, facilities, universities' reputation, job opportunities, extracurricular activities and alumni network.

Research results show that students' consideration of the universities' facilities, study environment, universities' reputation, advice from others, tuition fees, and activities in the educational institution directly impact their decisions to choose a university/college.

**Keywords:** Influential factors, Decision to choose a university, high school students

**Trang Thi Thu Do**

Email: dotrang0708@gmail.com

National Economics University

*Từ khóa: các nhân tố ảnh hưởng, học sinh trung học phổ thông, quyết định chọn trường đại học*

## 1. Đặt vấn đề

Định hướng và quyết định lựa chọn ngành nghề, trường đại học của học sinh tốt nghiệp THPT có ý nghĩa rất quan trọng đến phát triển của xã hội. Thực tế, việc lựa chọn trường đại học hay ngành học còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố khác mà không xuất phát từ năng lực và nhu cầu, nguyện vọng của chủ thể. Việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT có ý nghĩa thực tiễn cao và phù hợp với nhu cầu của các trường đại học trong bối cảnh hiện nay. Nghiên cứu nhằm tìm hiểu, xác định và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT; để từ đó đưa ra một số kiến nghị giúp học sinh THPT có quyết định lựa chọn trường đại học đúng đắn; các trường đại học điều chỉnh xây dựng được kế hoạch tuyển sinh phù hợp. Bài viết gồm 3 phần: cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và kiến nghị, đề xuất.

## 2. Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

Chapman (1981) đưa ra mô hình quyết định lựa chọn trường đại học thông qua hai nhóm yếu tố ảnh hưởng: nhóm yếu tố bên trong cá nhân (năng lực, mức độ giáo dục, kết quả học tập) và nhóm yếu tố bên ngoài cá nhân (Người thân: bố mẹ, bạn bè, thầy cô giáo ở trường THPT; Đặc điểm của trường đại học: học phí, hỗ trợ tài chính, địa điểm,

các ngành học...; Nỗ lực của trường đại học trong giao tiếp với học sinh thông qua các tài liệu có sẵn, công tác tuyển sinh...). Các yếu tố trong hai nhóm kể trên hình thành từ rất sớm và có tác động mạnh đến học sinh từ quá trình tìm kiếm thông tin đến việc ra quyết định lựa chọn trường đại học.

M. J. Burn (2006), đã ứng dụng các kết quả từ các nghiên cứu của Chapman (1981) và Cabera và La Nasa (2000) vào một trường đại học cụ thể tại Mỹ, một lần nữa khẳng định các kết quả nêu trên, đó là mối quan hệ giữa các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh.

Nghiên cứu của Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009) đã chia các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT thành năm nhân tố đại diện theo mức độ ảnh hưởng từ mạnh đến yếu là: (1) nhân tố về cơ hội việc làm trong tương lai; (2) nhân tố về thông tin có sẵn về trường đại học; (3) nhân tố về bản thân cá nhân học sinh; (4) nhân tố về cá nhân có ảnh hưởng đến quyết định của học sinh và (5) nhân tố về đặc điểm cố định của trường đại học.

Lưu Ngọc Liêm (2010), cũng tiến hành thực hiện nghiên cứu nhằm “Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của sinh viên Đại học Lạc Hồng” thông qua hai nhóm nhân tố cơ bản tác động là nhân tố về bản thân cá nhân học sinh và nhân tố về đặc điểm của trường đại học.

Nguyễn Thị Kim Chi (2018) với đề tài “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học - trường hợp Hà Nội”, mô hình nghiên cứu gồm 07 nhân tố (cảm nhận về chi phí, cảm nhận về chương trình học, cảm nhận về cơ sở vật chất và

nguồn lực, danh tiếng trường, thông tin học sinh nhận được từ trường đại học, lời khuyên của người khác, chuẩn mực chủ quan). Nghiên cứu đã xác định và đo lường được các nhân tố chính ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT gồm 04 nhân tố ảnh hưởng tích cực theo thứ tự là (1) danh tiếng trường đại học (2) cảm nhận về chương trình học, (3) cảm nhận về chi phí, (4) chuẩn mực chủ quan. Từ các nghiên cứu trên có thể thấy đây là một chủ đề đã được đề cập ở nhiều trường đại học trên thế giới và kết quả nghiên cứu chỉ ra không có sự giống nhau về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tác động.

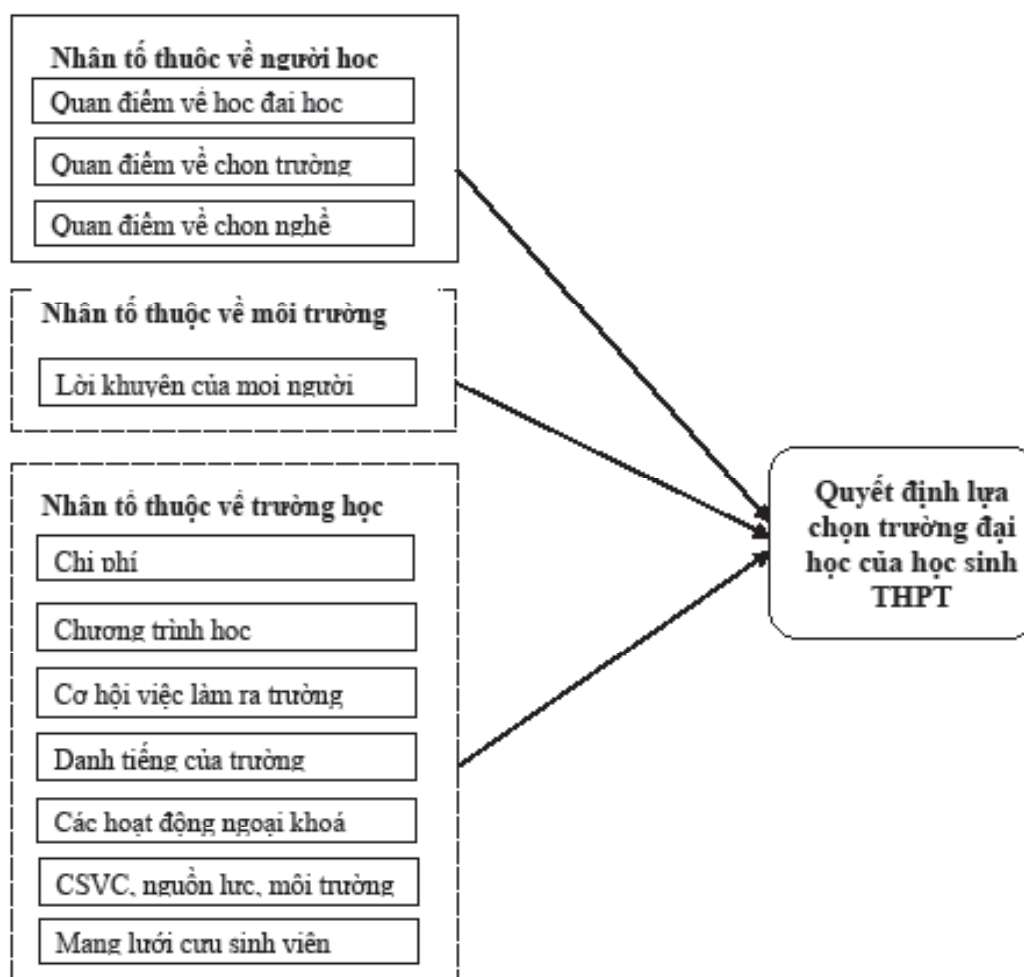
Nghiên cứu này tác giả sẽ đưa thêm một số nhân tố khác vào mô hình và mở rộng phạm vi nghiên cứu trên phạm vi địa lý, bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu trước đây được dự đoán sẽ có ít nhiều thay đổi do bối cảnh tuyển sinh thay đổi.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.2.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa vào cơ sở lý thuyết và kết quả các nghiên cứu liên quan, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu tại Hình 1.

### 2.2.2. Phương pháp nghiên cứu



Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

**Bảng 1. Diễn giải các biến quan sát trong mô hình nghiên cứu**

| Khái niệm                | Tên biến quan sát                                        | Ký hiệu      | Thang đo   | Nguồn tham khảo                                                   |
|--------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------|
| Quan điểm về học đại học | Học đại học để nâng cao kiến thức                        | qdiem_hoc 1  | Likert 1-5 | Nguyễn Thị Kim Chi (2018)                                         |
|                          | Học đại học để có bằng cấp                               | qdiem_hoc 2  | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Học đại học để nâng cao kỹ năng và tầm nhìn              | qdiem_hoc 3  | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Học đại học để tìm việc có thu nhập tốt hơn              | qdiem_hoc 4  | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Học đại học và bước tắt yếu sau khi tốt nghiệp THPT      | qdiem_hoc 5  | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Học đại học chỉ cho người có điều kiện kinh tế           | qdiem_hoc 6  | Likert 1-5 |                                                                   |
| Quan điểm về chọn trường | Trường có ngành đào tạo phù hợp với sở thích             | lydo 1       | Likert 1-5 | Nguyễn Thị Kim Chi (2018)                                         |
|                          | Trường có ngành học “hot”                                | lydo 2       | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Khả năng xin việc sau khi tốt nghiệp                     | lydo 3       | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Phù hợp với lực học của bản thân                         | lydo 4       | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Có khả năng trúng tuyển cao                              | lydo 5       | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Vì muốn tự lập hơn khi sống xa nhà                       | lydo 6       | Likert 1-5 |                                                                   |
| Quan điểm về chọn nghề   | Chọn nghề theo sở thích của bản thân                     | Qdiem_nghe 1 | Likert 1-5 | Nguyễn Thị Kim Chi (2018)                                         |
|                          | Chọn nghề theo năng lực của bản thân                     | Qdiem_nghe 2 | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Chọn nghề theo nhu cầu của xã hội                        | Qdiem_nghe 3 | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Chọn nghề theo định hướng của bố mẹ                      | Qdiem_nghe 4 | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Chọn nghề có thu nhập cao                                | Qdiem_nghe 5 | Likert 1-5 |                                                                   |
| Lời khuyên của mọi người | Lời khuyên của bố mẹ                                     | Khuyen 1     | Likert 1-5 | Chapman (1981)<br>M. J. Burn (2006),<br>Nguyễn Thị Kim Chi (2018) |
|                          | Lời khuyên của thầy cô chủ nhiệm lớp THPT                | Khuyen 2     | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Lời khuyên của thầy cô bộ môn THPT                       | Khuyen 3     | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Lời khuyên của anh chị trong gia đình                    | Khuyen 4     | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Lời khuyên của bạn bè (khác lớp)                         | Khuyen 5     | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Lời khuyên của bạn cùng lớp                              | Khuyen 6     | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Lời khuyên của cán bộ tư vấn tuyển sinh                  | Khuyen 7     | Likert 1-5 |                                                                   |
| Chi phí                  | Chính sách học phí hợp lý                                | Cphi 1       | Likert 1-5 | Chapman (1981)<br>M. J. Burn (2006),<br>Lưu Ngọc Liêm (2010)      |
|                          | Chi phí sinh hoạt hợp lý (ký túc xá, nhà ăn, canteen...) | Cphi 2       | Likert 1-5 |                                                                   |
|                          | Có chính sách hỗ trợ tài chính (học bổng, trợ cấp...)    | Cphi 3       | Likert 1-5 |                                                                   |

| Khái niệm                     | Tên biến quan sát                                                                                                            | Ký hiệu  | Thang đo   | Nguồn tham khảo                                                                                    |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chương trình học              | Chương trình học đa dạng về ngôn ngữ (Tiếng Việt, tiếng Anh...)                                                              | Ctrinh 1 | Likert 1-5 | Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009)                                                                 |
|                               | Có chương trình học liên kết, trao đổi với các Đại học trên thế giới                                                         | Ctrinh 2 | Likert 1-5 |                                                                                                    |
|                               | Chương trình học có nhiều nội dung thực tiễn đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng                                              | Ctrinh 3 | Likert 1-5 |                                                                                                    |
|                               | Chương trình học chuyên sâu, nâng cao                                                                                        | Ctrinh 4 | Likert 1-5 |                                                                                                    |
|                               | Cho phép khi sinh viên có nguyện vọng chuyển ngành học                                                                       | Ctrinh 5 | Likert 1-5 |                                                                                                    |
|                               | Có nhiều hệ đào tạo (cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ)                                                                              | Ctrinh 6 | Likert 1-5 |                                                                                                    |
| Cơ hội việc làm khi ra trường | Trường cung cấp đầy đủ thông tin về cơ hội nghề nghiệp                                                                       | Vlam 1   | Likert 1-5 | Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009)                                                                 |
|                               | Trường có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm theo đúng chuyên ngành cao                                        | Vlam 2   | Likert 1-5 |                                                                                                    |
|                               | Trường hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV                                                             | Vlam 3   | Likert 1-5 |                                                                                                    |
|                               | Có sự tương tác giữa doanh nghiệp/nhà tuyển dụng và sinh viên ngay trong quá trình học                                       | Vlam 4   | Likert 1-5 |                                                                                                    |
| Danh tiếng của trường         | Trường có danh tiếng về học thuật                                                                                            | Dtieng 1 | Likert 1-5 | Chapman (1981)<br>M. J. Burn (2006)                                                                |
|                               | Các chương trình đào tạo có chất lượng, uy tín                                                                               | Dtieng 2 | Likert 1-5 |                                                                                                    |
|                               | Các chương trình đào tạo được công nhận/ được đánh giá cao về giá trị học thuật                                              | Dtieng 3 | Likert 1-5 |                                                                                                    |
| Các hoạt động ngoại khóa      | Các hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên phong phú, đa dạng                                              | Hdong 1  | Likert 1-5 | Tác giả đề xuất                                                                                    |
|                               | Các hoạt động ngoại khóa phong phú (tham quan thực tế...)                                                                    | Hdong 2  | Likert 1-5 |                                                                                                    |
|                               | Hoạt động bồi dưỡng các kỹ năng (kỹ năng giao tiếp...)                                                                       | Hdong 3  | Likert 1-5 |                                                                                                    |
| CSVC, nguồn lực, môi trường   | Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sinh viên học tập, nghiên cứu                                                         | Csvc 1   | Likert 1-5 | Chapman (1981)<br>M. J. Burn (2006),<br>Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009)<br>Lưu Ngọc Liêm (2010) |
|                               | Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sinh viên nghỉ ngơi, giải trí, sinh hoạt (khuôn viên, khu thể thao, khu ký túc xá...) | Csvc 2   | Likert 1-5 |                                                                                                    |
|                               | Vị trí địa lý của trường thuận tiện                                                                                          | Csvc 3   | Likert 1-5 |                                                                                                    |
|                               | Đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm                                                                       | Csvc 4   | Likert 1-5 |                                                                                                    |
|                               | Đội ngũ giảng viên có học hàm, học vị cao                                                                                    | Csvc 5   | Likert 1-5 |                                                                                                    |

| Khái niệm          | Tên biến quan sát                                               | Ký hiệu  | Thang đo   | Nguồn tham khảo           |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------|----------|------------|---------------------------|
|                    | Giảng viên gần gũi, nhiệt tình và tương tác nhiều với sinh viên | Csvc 6   | Likert 1-5 |                           |
|                    | Môi trường khuyến khích học tập, truyền cảm hứng cho sinh viên  | Csvc 7   | Likert 1-5 |                           |
| Mạng lưới cựu SV   | Trường có mạng lưới liên kết giữa các cựu học viên, sinh viên   | Alumin 1 | Likert 1-5 | Tác giả đề xuất           |
|                    | Trường có nhiều sinh viên tốt nghiệp thành đạt                  | Alumin 2 | Likert 1-5 |                           |
| Ý định chọn trường | Tôi chắc chắn chọn học đại học sau THPT                         | Ydinh 1  |            | Nguyễn Thị Kim Chi (2018) |
|                    | Tôi có định hướng rõ ràng về lựa chọn trường ĐH                 | Ydinh 2  |            |                           |
|                    | Tôi không có ý định thay đổi lựa chọn trường đại học            | Ydinh 3  |            |                           |

Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất

Để kiểm định mô hình nghiên cứu, các phương pháp phân tích được sử dụng như sau: Kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA). Trong nghiên cứu này, các thang đo để đánh giá các biến quan sát đều ở dạng thang đo likert 5 mức độ, với quy ước mức 1= rất không đồng ý và tăng dần đến mức 5= rất đồng ý. Việc phân tích dữ liệu được thực hiện với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20.0.

Đối tượng khảo sát bao gồm cả học sinh THPT tại thời điểm khảo sát và sinh viên năm nhất đại học với 1 mẫu quy mô 1.059, khảo sát bằng hình thức trực tiếp và online

trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến 7/2020. Kết quả khảo sát thu về 1.059 quan sát từ sinh viên năm nhất và học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội và một số trường chuyên tại các tỉnh: Thái Nguyên, Phú Thọ, Lào Cai, Yên Bái... Theo Hair và cộng sự (1998), đối với phân tích nhân tố khám phá EFA thì cỡ mẫu phải tối thiểu gấp năm lần tổng số chỉ báo trong các thang đo. Bảng hỏi của nghiên cứu này bao gồm 55 chỉ báo dùng trong phân tích nhân tố. Do vậy, cỡ mẫu tối thiểu cần đạt là:  $55 * 5 = 275$  quan sát < 1.059. Như vậy, quy mô mẫu đảm bảo điều kiện phân tích thống kê. Đặc điểm của đối tượng khảo sát được thể hiện trong Bảng 2.

**Bảng 2. Một số đặc điểm mẫu khảo sát**

| Nhóm đối tượng |              | Số quan sát | Tỷ lệ (%) |
|----------------|--------------|-------------|-----------|
| Loại khảo sát  | Trực tiếp    | 391         | 36,9      |
|                | Online       | 668         | 63,1      |
| Khu vực        | Hà Nội       | 362         | 34,2      |
|                | Ngoài Hà Nội | 697         | 65,8      |
| Giới tính      | Nam          | 380         | 35,9      |
|                | Nữ           | 678         | 64,0      |
|                | Khác         | 1           | 0,1       |

| Nhóm đối tượng   |             | Số quan sát | Tỷ lệ (%) |
|------------------|-------------|-------------|-----------|
| Đang học         | Lớp 10      | 116         | 11,0      |
|                  | Lớp 11      | 232         | 21,9      |
|                  | Lớp 12      | 510         | 48,2      |
|                  | Năm nhất ĐH | 201         | 19,0      |
| Xếp loại học lực | Giỏi        | 527         | 49,8      |
|                  | Khá         | 455         | 43,0      |
|                  | Trung bình  | 72          | 6,8       |
|                  | Yếu, kém    | 5           | 0,4       |

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả nghiên cứu

63,1% đối tượng được khảo sát bằng hình thức online (link trên google form) và 36,9% đối tượng được khảo sát bằng bảng hỏi trực tiếp. Đa số sinh viên tham gia khảo sát là nữ giới (chiếm 64%). Tỷ lệ học sinh đang học lớp 12 chiếm tỷ lệ cao nhất (48,2%)- đây cũng là nhóm đối tượng có ý định rõ ràng nhất và quan tâm nhiều nhất về

việc lựa chọn trường đại học. Những học sinh tham gia khảo sát đa số đều có mức học từ khá trở lên (hơn 90%). Với học lực như vậy, học sinh có nhiều “tự tin” hơn khi nghĩ đến việc học đại học thay vì các lựa chọn cấp học thấp hơn hoặc học nghề khác.

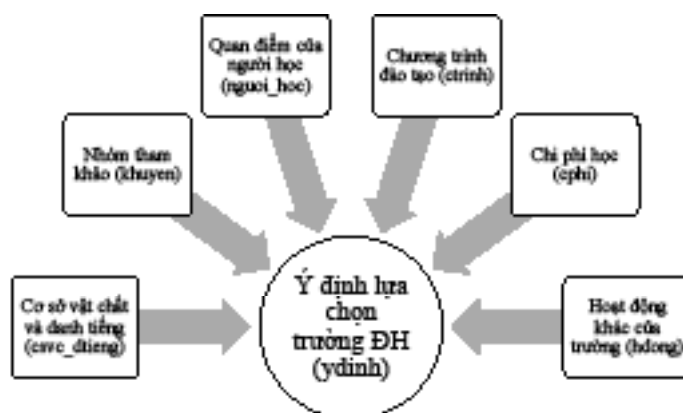
### 3. Kết quả nghiên cứu

**Bảng 3. Kết quả phân tích Cronbach Alpha sau loại biến**

| Nhóm nhân tố                | Tên chỉ báo/biến             | Kí hiệu          | Số biến ban đầu | Biến đã loại   | Số biến còn lại | Hệ số Cronbach Alpha |
|-----------------------------|------------------------------|------------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------------|
| Nhân tố thuộc về người học  | Quan điểm về học đại học     | qdiem_hoc (1-6)  | 6               | Qdiem_hoc 5, 6 | 4               | 0,828                |
|                             | Quan điểm về chọn trường     | lydo (1-6)       | 6               | Lydo 6, 2      | 4               | 0,807                |
|                             | Quan điểm về chọn nghề       | Qdiem_nghe (1-5) | 5               | Qdiem_nghe 4   | 4               | 0,756                |
| Nhân tố thuộc về môi trường | Lời khuyên của mọi người     | Khuyen (1-7)     | 7               |                | 7               | 0,890                |
| Nhân tố thuộc về trường học | Chi phí                      | Cphi (1-3)       | 3               |                | 3               | 0,845                |
|                             | Chương trình học             | Ctrinh (1-6)     | 6               |                | 6               | 0,906                |
|                             | Cơ hội việc làm ra trường    | Vlam (1-4)       | 4               |                | 4               | 0,922                |
|                             | Danh tiếng của trường        | Dtieng (1-3)     | 3               |                | 3               | 0,890                |
|                             | Các hoạt động ngoại khóa     | Hdong (1-3)      | 3               |                | 3               | 0,865                |
|                             | Cơ sở vật chất và môi trường | Csvc (1-7)       | 7               |                | 7               | 0,939                |
|                             | Mạng lưới cựu sinh viên      | Alumin (1-2)     | 2               |                | 2               | 0,788                |

| Nhóm nhân tố           | Tên chỉ báo/biến | Kí hiệu     | Số biến ban đầu | Biến đã loại | Số biến còn lại | Hệ số Cronbach Alpha |
|------------------------|------------------|-------------|-----------------|--------------|-----------------|----------------------|
| Ý định lựa chọn trường | Ý định           | Ydinh (1-3) | 3               |              | 3               |                      |
|                        |                  |             | Tổng = 55       |              | Tổng = 50       |                      |

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả nghiên cứu



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả nghiên cứu

**Hình 2. Mô hình nghiên cứu trong phân tích thực tế**

Độ tin cậy của thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach Alpha và phân tích EFA, CFA.

Phân tích Cronbach Alpha các nhóm nhân tố cho thấy, từ 55 chỉ báo (biến ban đầu), còn lại 50 biến thỏa mãn các điều kiện phân tích. Hệ số Cronbach Alpha đều lớn 0,7, các thang đo đảm bảo tính tin cậy (Hair và

sát nhóm ý định lựa chọn trường đại học có hệ số KMO = 0,660 > 0,5; tổng phương sai trích đạt 81,526% (>50%); hệ số tải các biến quan sát đều lớn hơn 0,5, đáp ứng yêu cầu về chất lượng thang đo. Kết quả cụ thể trong Bảng 3.

Mô hình nghiên cứu sau phân tích EFA cụ thể như sau:

**Bảng 4. Kết quả phân tích EFA sau loại biến**

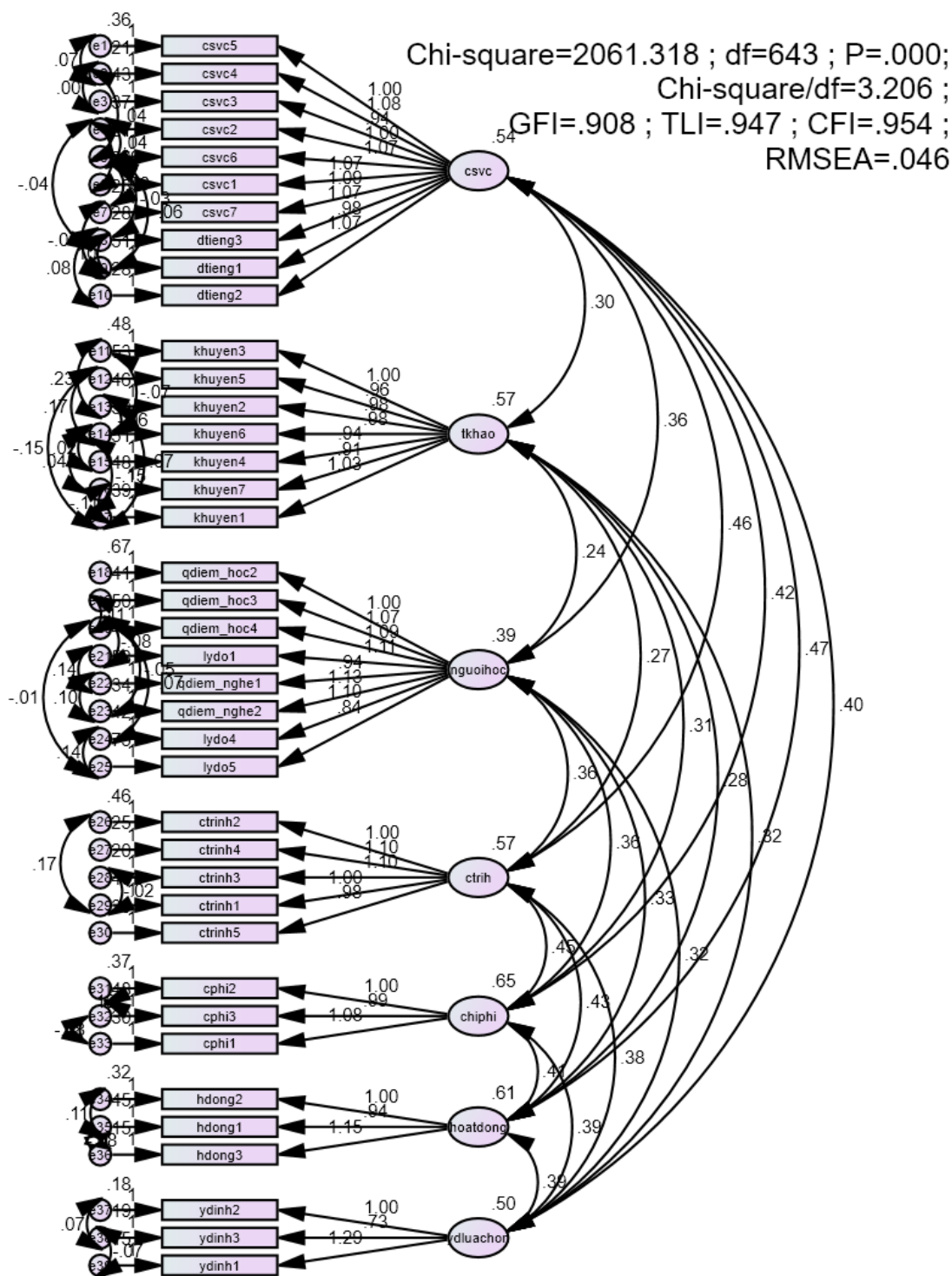
| Biến              | Số lượng biến/nhân tố ban đầu | Số lượng biến còn lại/nhân tố mới | Hệ số KMO | Giá trị Sig của Kiểm định Barlett's | Tổng phương sai trích |
|-------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-----------|-------------------------------------|-----------------------|
| Nhân tố ảnh hưởng | 52 biến<br>11 nhân tố         | 45 biến<br>6 nhân tố              | 0,967     | 0.000                               | 66,661%               |
| Ý định            | 3 biến<br>1 nhân tố           | 3 biến<br>1 nhân tố               | 0,660     | 0,000                               | 81,526%               |

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả nghiên cứu

cộng sự, 2006) để tiếp tục đưa vào phân tích tiếp theo.

Kết quả thực hiện EFA với các biến quan

Nghiên cứu tiếp tục sử dụng phân tích CFA để kiểm định mức độ phù hợp của mô hình thang đo với dữ liệu thu được sau khi đã



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả nghiên cứu

Hình 3. Kết quả CFA thang đo các nhân tố tác động đến biến phụ thuộc

đánh giá sơ bộ bằng hệ số tin cậy Cronbach Alpha và phân tích EFA.

Trong nghiên cứu này, mẫu có quy mô  $N = 1.059 > 200$  (Myers và các cộng sự, 2011)

nên nhóm tác giả sử dụng tiêu chuẩn của Kettinger và Lee (1994) chấp nhận CMIN/df < 5; GFI, TLI, CFI ≥ 0,9 (Bentler & Bonett, 1980); RMSEA ≤ 0,08, trường hợp RMSEA ≤ 0,05 theo Steiger được coi là rất tốt.

Khi sử dụng dữ liệu điều tra định lượng chính thức để đưa vào mô hình, kết quả các chỉ số của mô hình ban đầu chưa đạt như yêu cầu. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra sẽ cho các gợi ý để điều chỉnh mô hình từ MI (modification Indies) nhằm đạt được các yêu cầu cần thiết. Đây là chỉ số ước lượng sự thay đổi của  $\chi^2$  ứng với mỗi trường hợp thêm vào một mối quan hệ khả dĩ (ứng với giảm một bậc tự do). Nếu MI chỉ ra rằng lượng giảm  $\Delta\chi^2 > 3,84$  (ứng với giảm một bậc tự do), thì cho phép ta đề nghị một mối quan hệ làm tăng độ phù hợp của mô hình (Hair và cộng sự, 1998) (phân tích sơ đồ đường, so sánh thay đổi  $\chi^2$  giữa mô hình M1 và M2). Điều này cũng tương tự như đưa từng biến độc lập vào trong mô hình hồi quy tuyến tính.

Trong kết quả phân tích CFA với các nhân tố ảnh hưởng bao gồm cho thấy mô hình đo lường đã tương đối phù hợp với dữ liệu khảo sát khi các giá trị yêu cầu cơ bản đạt (CMIN= 2061,318, df= 643, CMIN/df= 3,206, P-value= 0,000, CFI= 0,954; TLI= 0,947 và RMSEA= 0,046). Kết quả này

khẳng định tính đơn hướng của các thang đo của nhân tố ảnh hưởng và ý định lựa chọn. Hệ số ước lượng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,5; và tất cả đều đạt ý nghĩa thống kê nên các quan sát đo lường đạt giá trị hội tụ theo tiêu chuẩn ở trên. Hệ số tương quan giữa các nhân tố nhỏ hơn 0,8 đảm bảo sự phân biệt giữa các nhân tố.

Phương trình hồi quy tuyến tính tổng quát, sử dụng kết quả của phân tích nhân tố khám phá EFA các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT như sau:

$$Y_{\text{dinh}} = a + a_1 * \text{csvc\_dtieng} + a_2 * \text{khuyen} + a_3 * \text{nguoi\_hoc} + a_4 * \text{ctrinh} + a_5 * \text{cphi} + a_6 * \text{hdong} + u$$

Trong đó:

$Y_{\text{dinh}}$ : biến phụ thuộc

csvc\_dtieng, khuyen, nguoi\_hoc, ctrinh, cphi, hdong: biến độc lập

U: các nhân tố khác

Kết quả hồi quy thu được có giá trị R bình phương đã hiệu chỉnh bằng 0,493, tương đương sự thay đổi của các nhân tố ảnh hưởng đưa vào mô hình giải thích được 49,3% sự thay đổi trong ý định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT. Giá trị Sig trong phân tích ANOVA < 0,05 chứng tỏ phân tích có ý nghĩa thống kê. Kết quả cụ thể tại Bảng 5.

**Bảng 5. Kết quả hồi quy yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn trường đại học của học sinh THPT**

| Model Summary                                                                  |       |          |                   |                            |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------|----------|-------------------|----------------------------|
| Model                                                                          | R     | R Square | Adjusted R Square | Std. Error of the Estimate |
| 1                                                                              | .704a | .496     | .493              | .70156274                  |
| a. Predictors: (Constant), hdong, khuyen, cphi, nguoi_hoc, ctrinh, csvc_dtieng |       |          |                   |                            |

| ANOVAa |            |                |      |             |         |       |
|--------|------------|----------------|------|-------------|---------|-------|
| Model  |            | Sum of Squares | df   | Mean Square | F       | Sig.  |
| 1      | Regression | 509.285        | 6    | 84.881      | 172.455 | .000b |
|        | Residual   | 517.784        | 1052 | .492        |         |       |
|        | Total      | 1027.069       | 1058 |             |         |       |

| a. Dependent Variable: ydinh                                                   |             |                             |            |                           |       |       |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------|------------|---------------------------|-------|-------|
| b. Predictors: (Constant), hdong, khuyen, cphi, nguoi_hoc, ctrinh, csvc_dtieng |             |                             |            |                           |       |       |
| Coefficients <sup>a</sup>                                                      |             |                             |            |                           |       |       |
| Model                                                                          |             | Unstandardized Coefficients |            | Standardized Coefficients | t     | Sig.  |
|                                                                                |             | B                           | Std. Error | Beta                      |       |       |
| 1                                                                              | (Constant)  | 2.402E-016                  | .022       |                           | .000  | 1.000 |
|                                                                                | csvc_dtieng | .128                        | .048       | .127                      | 2.679 | .007  |
|                                                                                | khuyen      | .192                        | .028       | .185                      | 6.887 | .000  |
|                                                                                | nguoi_hoc   | .198                        | .041       | .191                      | 4.841 | .000  |
|                                                                                | ctrinh      | -.033                       | .045       | -.032                     | -.736 | .462  |
|                                                                                | cphi        | .209                        | .034       | .201                      | 6.126 | .000  |
|                                                                                | hdong       | .185                        | .038       | .177                      | 4.922 | .000  |
| a. Dependent Variable: ydinh                                                   |             |                             |            |                           |       |       |

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả nghiên cứu

Kết quả cho thấy, sự quan tâm của học sinh đến cơ sở vật chất, môi trường và danh tiếng của trường đại học; sự tham gia của các nhóm tham khảo (lời khuyên từ gia đình, bạn bè, thầy cô; đơn vị tuyển sinh); quan điểm của người học; chi phí học và hoạt động tại Cơ sở giáo dục (rèn luyện kỹ năng, Đoàn/hội,...) có tác động trực tiếp đến ý định lựa chọn trường ĐH của học sinh THPT (giá trị Sig của những yếu tố này đều nhỏ hơn 0,05- độ tin cậy mô hình 95%). Các tác động đều mang dấu dương (hệ số beta đã hiệu chỉnh dương). Theo đó, nhân tố có tác động lớn nhất đến ý định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT là chi phí học ( $\beta = 0,201$ ); tiếp đó là bản thân người học ( $\beta = 0,191$ ) và ảnh hưởng của nhóm tham khảo ( $\beta = 0,185$ ).

#### 4. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu cho thấy sự quan tâm của học sinh đến chi phí học, cơ sở vật chất, môi trường và danh tiếng của trường đại học; sự tham gia của các nhóm tham khảo; quan điểm của người học... có tác động trực tiếp đến ý định lựa chọn trường ĐH của học sinh THPT.

*Thứ nhất*, về chi phí học, theo đặc điểm mẫu nêu trên, hơn 60% học sinh tham gia khảo sát đến từ các tỉnh/thành phố ngoài Hà Nội nên vấn đề chi phí được học sinh tại các tỉnh khá quan tâm, vì vậy bên cạnh chi phí học tập thì thông tin về cơ hội học bổng và các chính sách hỗ trợ cũng cần được các trường đại học cập nhật thường xuyên.

*Thứ hai*, danh tiếng của trường đại học được xác định là yếu tố ảnh hưởng tích cực đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh, do vậy nâng cao danh tiếng của trường cũng cần được xác định là giải pháp nhằm thu hút tốt hơn nữa tân sinh viên ở các trường đại học.

*Thứ ba*, về chương trình đào tạo, ở những giai đoạn khác nhau, chương trình đào tạo cần được điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường và nhu cầu của các nhà tuyển dụng, sinh viên và các đơn vị có liên quan. Với kỳ vọng mong muốn có được kiến thức, kỹ năng khi học đại học, học sinh quan tâm đến chương trình học có nhiều nội dung thực tiễn đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, các chương trình đào tạo cũng cần được xây dựng theo hướng mở, theo đó người học cũng có thể tiếp cận E-learning để

tương tác, chia sẻ tài liệu cho sinh viên tiếp cận và trao đổi dễ dàng.

*Thứ tư*, các trường đại học cũng cần quan tâm hơn đến công tác xây dựng hệ thống cung cấp thông tin về trường để học sinh có thể dễ dàng tìm kiếm và tham khảo. Cụ thể hơn là nâng cấp website với nhiều thông tin hữu ích, giao diện dễ theo dõi và tra cứu các thông tin. Bên cạnh đó mạng xã hội cũng là một kênh thông tin tiếp cận nhanh chóng và gần gũi với học sinh THPT, các trường cũng có thể tăng sự tương tác với các sinh viên tương lai qua các fanpage chính thức của trường.

### ***Hạn chế của nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo***

Mặc dù đã rất cố gắng xong nghiên cứu này còn tồn tại những hạn chế sau: *Một là*, về phạm vi nghiên cứu, nghiên cứu chỉ được thực hiện tại Hà Nội và một số trường THPT chuyên tại một số tỉnh. Khả năng bao quát sẽ cao hơn nếu nghiên cứu được thực hiện ở phạm vi nghiên cứu rộng hơn. *Hai là*, nghiên cứu chưa chỉ ra được sự khác biệt giữa các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của học sinh THPT trước và sau

khi trở thành sinh viên theo học tại trường đại học, sự thỏa mãn hài lòng của sinh viên về quyết định lựa chọn trường đại học của mình. *Ba là*, các nghiên cứu trong quá khứ đưa ra rất nhiều các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT, do vậy nghiên cứu này chưa giải thích được toàn vẹn các yếu tố ảnh hưởng để kết quả nghiên cứu đa dạng và nhiều chiều hơn. Hướng nghiên cứu tiếp theo của tác giả sẽ hướng khắc phục những hạn chế này ■

### **Tài liệu tham khảo**

- Bentler, P. M., & Bonett, D. G. (1980). Significance tests and goodness of fit in the analysis of covariance structures. *Psychological Bulletin*, 88, 588–606.
- Cabrera, A. F., & La Nasa, S. M. (2000). Understanding the college-choice process. *New directions for institutional research*, 2000(107), 5-22.
- Chapman, D. W. (1981). A model of student college choice. *The Journal of Higher Education*, 52(5), 490-505.
- Hair, J. F. J., Anderson, R. E., Tatham, R. L., & Black, W. C. (1998). *Multivariate Data Analysis*. New Jersey: Prentice Hall.
- Lưu Ngọc Liêm (2010). Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của sinh viên đại học Lạc Hồng. Công trình nghiên cứu khoa học.
- Marvin J. Burns. Factors influencing the college choice of african-american students admitted to the college of agriculture, food and natural resources. A Thesis presented to the Faculty of the Graduate School. University of Missouri-Columbia (2006).
- Myers, N., Ahn, S., Jin, Y., (2011). Sample Size and Power Estimates for a Confirmatory Factor Analytic Model in Exercise and Sport. *Research Quarterly for Exercise and Sport* 82(3):412-23.
- Nguyễn Thị Kim Chi (2018). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học- trường hợp Hà Nội, Luận án tiến sỹ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học. *Tạp chí phát triển khoa học và công nghệ*.